

## Câu 2.2 (GKI, 2024 – 2025) – Đề 2

Cho lược đồ cơ sở dữ liệu quản lý “Quản lý kiểm định sản phẩm” như sau:

### **PHANXUONG (MaPX, TenPX, DiaChi, QuanDoc, SLCN, NgayTL)**

Tân từ: Hệ thống cần lưu trữ thông tin các phân xưởng sản xuất của một nhà máy. Mỗi phân xưởng bao gồm các thông tin: Mã phân xưởng (MaPX), tên phân xưởng (TenPX), địa chỉ (DiaChi), người quản đốc của phân xưởng (QuanDoc), số lượng công nhân (SLCN), ngày thành lập (NgayTL). Người quản đốc cũng là một công nhân của phân xưởng đó.

### **CONGNHAN (MaCN, HoTen, NgaySinh, BacTho, MaPX)**

Tân từ: Lưu trữ thông tin của công nhân bao gồm các thông tin: Mã công nhân (MaCN), họ tên công nhân (HoTen), ngày sinh của công nhân (NgaySinh), bậc thợ của công nhân (BacTho), phân xưởng mà công nhân đó làm việc (MaPX). Bậc thợ của công nhân có các giá trị 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7. Công nhân mới vào làm sẽ có bậc thợ là 1.

### **LOAISP (MaLSP, TenLSP, TinhNangNoiBat, TrangThai)**

Tân từ: Lưu trữ thông tin của loại sản phẩm: Mã loại sản phẩm (MaLSP), tên loại sản phẩm (TenLSP), tính năng nổi bật (TinhNangNoiBat), trạng thái của loại sản phẩm (TrangThai). Miền giá trị của thuộc tính trạng thái: “Đang sản xuất”, “Còn hàng”, “Ngừng sản xuất”.

### **TIEUCHUANKD (MaTC, TenTC, MaLSP, MoTa, DVDL, KQMongDoi, SaiSo)**

Tân từ: Lưu trữ thông tin của tiêu chuẩn kiểm định cho loại sản phẩm, một loại sản phẩm sẽ có nhiều tiêu chuẩn kiểm định. Mã tiêu chuẩn (MaTC), tên tiêu chuẩn (TenTC), mã loại sản phẩm (MaLSP), mô tả tiêu chuẩn (MoTa), đơn vị đo lường (DVDL), kết quả mong đợi của tiêu chuẩn (KQMongDoi), sai số cho phép (SaiSo). Các giá trị sai số cho phép không được vượt quá  $\pm 10\%$  trên kết quả mong đợi tương ứng.

### **SANPHAM (MaSP, TenSP, NgaySX, MaLSP, MaPX, TinhTrangSP)**

Tân từ: Lưu trữ thông tin của sản phẩm, bao gồm thông tin: Mã sản phẩm (MaSP), Tên sản phẩm (TenSP), ngày sản xuất (NgaySX), mã loại sản phẩm (MaLSP), mã phân xưởng sản xuất (MaPX), tình trạng của sản phẩm (TinhTrangSP). Tình trạng của sản phẩm có các tình trạng sau: “Chưa kiểm định”, “Đã kiểm định”.

### **KIEMDINHSP (MaKD, MaSP, MaCN, ThoiDiemKD, KQKiemDinh, NoiDung)**

Tân từ: Lưu trữ thông tin của kiểm định của từng sản phẩm: Mã kiểm định (MaKD), mã sản phẩm (MaSP), mã công nhân thực hiện kiểm định (MaCN), thời điểm kiểm định (ThoiDiemKD), kết quả kiểm định (KQKiemDinh), nội dung kết quả kiểm định (NoiDung). Kết quả kiểm định có giá trị là 0 nếu kiểm định không đạt, là 1 nếu kiểm định đạt. Nếu kiểm định không đạt, nội dung lỗi cần được lưu lại trong thuộc tính nội dung. Một sản phẩm có thể có nhiều lần kiểm định nếu kết quả kiểm định trước đó không đạt.

### **KETQUACT (MaKD, MaTC, KQThucTe, DanhGia)**

Tân từ: Lưu trữ thông tin kết quả chi tiết kiểm định trên từng tiêu chuẩn của loại sản phẩm, một lần kiểm định sẽ đánh giá trên nhiều tiêu chuẩn. Bao gồm các thông tin: mã kiểm định (MaKD), mã tiêu chuẩn của loại sản phẩm đang được kiểm định (MaTC), kết quả thực tế đo được (KQThucTe), mức độ đánh giá của người kiểm định (DanhGia). Mức độ đánh giá có các giá trị: “Rất tốt”, “Tốt”, “Trung bình”, “Kém”.

**Lưu ý:** thuộc tính gạch chân là thuộc tính khóa chính.

a. Tạo ràng buộc miền giá trị cho thuộc tính trạng thái của loại sản phẩm. (0.75 điểm)

```

> ALTER TABLE LOAISP
  ADD CONSTRAINT CK_LOAISP_TRANGTHAI
  CHECK (TRANGTHAI IN ('Dang san xuat', 'Con hang', 'Ngung san xuat'));

```

b. Cập nhật tăng kết quả mong đợi lên 15% đối với các tiêu chuẩn kiểm định của loại sản phẩm có mã là "LSP003" và có đơn vị đo lường là "mm". (0.75 điểm)

```

> UPDATE TIEUCHUANKD
  SET KQMONGDOI = 1.15*KQMONGDOI
  WHERE MALSP = 'LSP003' AND DVDL = 'mm';

```

## Câu 2.2 (GKI, 2023 – 2024) – Đề 2

Cho lược đồ cơ sở dữ liệu quản lý bán hàng của một cửa hàng hoa như sau:

**NHAVUON (MANV, NGAYSINH, SDT, DIACHI)**

Tân từ: Lưu trữ thông tin nhà vườn cung cấp các sản phẩm tại cửa hàng bán hoa. Các thông tin gồm: mã nhà vườn, họ tên người đại diện, số điện thoại và địa chỉ liên hệ.

**SANPHAM (MASP, TENS P, DVT, THELOAI, GIANHAP, GIABAN, MANV)**

Tân từ: Lưu trữ thông tin tất cả các sản phẩm mà cửa hàng bán ra. Các thuộc tính gồm có: mã sản phẩm, tên sản phẩm, đơn vị tính, thuộc một thể loại (thể loại gồm có: chậu hoa cắm sẵn, hoa bó sẵn, hoa chậu, hoa cắt cành, hoa nhập khẩu, lá trang trí), giá nhập, giá bán và do nhà vườn nào đã cung cấp. Trong đó, giá bán phải cao hơn giá nhập từ 10% đến 40%.

**DONHANG (MADH, NGÀYBAN, TONGTIEN, DATHANH TOAN)**

Tân từ: Lưu trữ thông tin các đơn hàng của cửa hàng bán ra gồm: mã đơn hàng, ngày bán, tổng tiền của đơn hàng. Khách hàng đến mua mang về, hoặc có thể nhờ nhân viên giao hàng (đơn hàng nếu giao phải thanh toán trước một khoản tiền (DATHANH TOAN) nhỏ hơn hoặc bằng tổng tiền của đơn hàng; tổng tiền của đơn hàng bao gồm tổng tiền của sản phẩm trong đơn hàng đó cộng với phí ship).

**CTDH (MADH, MASP, SOLUONG)**

Tân từ: Lưu trữ thông tin chi tiết mỗi đơn hàng gồm có những sản phẩm nào, số lượng bao nhiêu.

**GIAOHANG (MAGH, MADH, NGÀYGIAO, NGGIAO, DT\_NGGIAO, NGNHAN, DT\_NGHAN, DCHI\_NGHAN, PHISHIP, SOTIEN, DAGIAO)**

Tân từ: Lưu trữ thông tin cho những đơn hàng cần giao gồm có: mã giao hàng, mã đơn hàng, ngày giao, người giao, số điện thoại người giao, người nhận hàng, điện thoại và địa chỉ người nhận, phí ship, số tiền còn lại khách phải thanh toán (SOTIEN) và thuộc tính DAGIAO ghi nhận trạng thái đơn hàng: DAGIAO có giá trị là 1 nếu đơn hàng đã giao thành công, 0 nếu đơn hàng chưa giao.

Lưu ý: thuộc tính gạch chân là khóa chính.

a. Tạo ràng buộc miền giá trị cho thuộc tính THELOAI của sản phẩm hoa. (0.75 điểm)

```

> ALTER TABLE SANPHAM
  ADD CONSTRAINT CK_SANPHAM_THELOAI
  CHECK (THELOAI IN ('chau hoa cam san', 'hoa bo san', 'hoa chau', 'hoa cat canh', 'hoa nhap khau', 'la trang tri'));

```

b. Cập nhật phí ship tăng 5% cho ngày giao hàng là 20/11/2023. (0.75 điểm)

```

> UPDATE GIAOHANG
  SET PHISHIP = 1.05 * PHISHIP
  WHERE NGAYGIAO = '20/11/2023';

```

## Câu 2.2 (GKI, 2022 – 2023) – Đề 2

Cho lược đồ cơ sở dữ liệu “Quản lý nhập khẩu xăng dầu” như sau:

**DNNK (MADN, TENDN, NGAYTL, DIACHI, SDT, LOAIDN)**

Tân từ: quan hệ DNNK chứa dữ liệu của các doanh nghiệp nhập khẩu xăng dầu. Các thuộc tính cần lưu trữ bao gồm: mã doanh nghiệp (MADN), tên doanh nghiệp (TENDN), ngày thành lập (NGAYTL), địa chỉ (DIACHI), số điện thoại (SDT) và loại hình doanh nghiệp (LOAIDN).

**LOAIXANG (MALX, TENLX, MDBQ)**

Tân từ: quan hệ LOAIXANG mô tả các loại xăng đang lưu hành trên thị trường, thuộc tính lưu trữ bao gồm: mã loại xăng (MALX), tên loại xăng (TENLX) và mức độ bảo quản (MDBQ). Mức độ bảo quản chỉ có các loại sau: IA, IB, II, III, IV và V.

**XANGDAU (MAXD, TENXD, MADN, MALX, GIACOSO, THUEPHI)**

Tân từ: quan hệ XANGDAU mô tả thông tin xăng dầu bao gồm: tên xăng dầu (TENXD), mã doanh nghiệp cung cấp (MADN), mã loại xăng (MALX), giá cơ sở (GIACOSO), thuế phí (THUEPHI - đơn vị tính %) và được cấp một mã xăng dầu (MAXD) để phân biệt.

**CUAHANG (MACH, TENCH, BACCL, RONGDD, CAOTB, CAOMC)**

Tân từ: quan hệ CUAHANG lưu trữ các thuộc tính của cửa hàng kinh doanh xăng dầu, bao gồm: mã cửa hàng (MACH), tên cửa hàng (TENCH), bậc chịu lửa (BACCL), chiều rộng đường đi (RONGDD), chiều cao tường bao (CAOTB) và chiều cao mái che (CAOMC). Đơn vị tính của các thuộc tính kích thước là mét (m). Bậc chịu lửa được chia thành 2 bậc: I hoặc II theo quy định tại QCVN 06:2021/BX.

**NHAP (MACH, MAXD, NGAYNHAP, SOLUONG, GIANHAP)**

Tân từ: quan hệ NHAP mô tả chi tiết thông tin nhập xăng dầu của các cửa hàng. Thông tin được lưu trữ bao gồm: mã cửa hàng (MACH), mã xăng dầu (MAXD), ngày nhập (NGAYNHAP), số lượng (SOLUONG - đơn vị tính m<sup>3</sup>) và giá nhập (GIANHAP).

**Lưu ý:** thuộc tính gạch chân là khóa chính (THUỘC TÍNH).

a. Bổ sung ràng buộc toàn vẹn sau: “Chiều cao mái che của cửa hàng không nhỏ hơn 4,75 mét.” (0.5 điểm)

```

> ALTER TABLE CUAHANG
  ADD CONSTRAINT CK_CUAHANG_CAOMC
  CHECK (CAOMC >= 4.75);

```

b. Cập nhật giảm 10% giá cơ sở (GIACOSO) đối với loại xăng dầu có tên (TENXD) là ‘Xăng không chì E5’. (0.5 điểm)

```

> UPDATE TABLE XANGDAU
  SET GIACOSO = 0.9*GIACOSO
  WHERE TENXD = 'Xang khong chi E5';

```

c. Xóa doanh nghiệp nhập khẩu xăng dầu có mã doanh nghiệp (MADN) là 'DN002' và có loại hình doanh nghiệp (LOAIDN) là 'Nhà nước'. (0.5 điểm)

- › DELETE FROM DNNK  
WHERE MADN = 'DN002' AND LOAIDN = 'Nhà nước';

## Câu 2.2 (GKI, 2020 – 2021) – Đề 2

Cho lược đồ cơ sở dữ liệu “Quản lý bán xe máy trả góp” như sau:

### **KHACHHANG (MAKH, TENKH, NGAYSINH, DIACHI, CMND)**

Tân từ: Lược đồ quan hệ KHACHHANG nhằm mô tả cho những khách hàng đang được quản lý. Mỗi khách hàng được ghi nhận tên khách hàng (TENKH), ngày tháng năm sinh (NGAYSINH), địa chỉ (DIACHI), số chứng minh nhân dân (CMND) và được ấn định một mã số duy nhất (MAKH) để theo dõi.

### **LOAIXE (MALX, TENLX, CONGNGHE)**

Tân từ: Lược đồ quan hệ LOAIXE nhằm mô tả thông tin phân loại của xe máy. Thông tin được ghi nhận bao gồm: mã loại xe (MALX), tên loại xe (TENLX) và công nghệ động cơ (CONGNGHE) mà loại xe đó được áp dụng (ví dụ: xi-lanh đơn, hai xi-lanh thẳng hàng, V-twin, Boxer...).

### **XEMAY (MAXM, TENXM, MALX, NAMSX, TRONGLUONG, GIA)**

Tân từ: Lược đồ quan hệ XEMAY nhằm mô tả thông tin các xe máy đang được bán tại cửa hàng. Mỗi thông tin xe máy sẽ bao gồm: mã xe máy (MAXM), tên xe máy (TENXM), năm sản xuất (NAMSX), loại xe (MALX), trọng lượng xe (TRONGLUONG), giá bán (GIA) theo đơn vị Việt Nam Đồng.

### **LOAIHINHTG (MALH, TENLH, PHANTRAMTT, KYHAN, LAISUAT, PHTTHUHO)**

Tân từ: Lược đồ quan hệ LOAIHINHTG nhằm mô tả thông tin các loại hình trả góp mà cửa hàng hiện có hỗ trợ. Thông tin loại hình trả góp chi tiết bao gồm: mã loại hình (MALH), tên loại hình (TENLH), tỉ lệ phần trăm giá trị xe phải trả trước theo đơn vị % (PHANTRAMTT), kỳ hạn trả góp theo đơn vị tháng (KYHAN), lãi suất theo đơn vị %/tháng (LAISUAT), phí thu hộ hàng tháng (PHTTHUHO).

### **TRAGOP (MATG, MAXM, MAKH, NGAYMUA, SOTIENTT, MALH)**

Tân từ: Lược đồ quan hệ TRAGOP nhằm mô tả thông tin bán trả góp xe máy cho khách hàng. Thông tin trả góp chi tiết bao gồm: mã trả góp (MATG), mã xe máy (MAXM), mã khách hàng (MAKH), ngày mua (NGAYMUA), số tiền phải trả trước lúc đặt mua (SOTIENTT), mã loại hình trả góp (MALH). Mỗi khách hàng có thể đứng tên để mua trả góp được nhiều xe máy.

**Lưu ý:** thuộc tính gạch chân là khóa chính (THUỘC TÍNH).

a. Xóa thuộc tính CMND trong quan hệ KHACHHANG. (0.75 điểm)

- › ALTER TABLE KHACHHANG  
DROP COLUMN CMND;

b. Cập nhật lãi suất là 1.5%/tháng cho loại hình trả góp có tên loại hình là “Tín dụng” và kỳ hạn 12 tháng. (0.75 điểm)

- › UPDATE TABLE LOAIHINHTG  
SET LAISUAT = 1.5  
WHERE TENLH = 'Tin dung' AND KYHAN = 12;

## Câu 2.2 (GKI, 2019 – 2020) – Đề 1

Cho lược đồ cơ sở dữ liệu “Quản lý website đăng ký học phần online”

### HOCVIEN (MAHV, HOTEN, NGSINH, SODT, LOAIHV)

Tân từ: Lược đồ quan hệ HOCVIEN mô tả thông tin học viên. Mỗi học viên được cấp một mã số để phân biệt (MAHV), họ tên học viên (HOTEN), ngày sinh (NGSINH), số điện thoại (SODT) và loại học viên (LOAIHV: ‘CLC’, ‘CQUT’, ‘CTTT’).

### KHOAHOC (MAKH, TENKH, MUCODO, THOILG, NGBDKH, NGKTKH)

Tân từ: Lược đồ quan hệ KHOAHOC lưu trữ thông tin các khóa học đang được mở trên website. Thông tin bao gồm: mã khóa học (MAKH), tên khóa học (TENKH), mức độ của khóa học (MUCODO), thời lượng của khóa học (THOILG) tính bằng đơn vị tuần, ngày bắt đầu khóa học (NGBDKH) và ngày kết thúc khóa học (NGKTKH).

### HOCPHAN (MAHP, TENHP, MAKH, TUAN, BATBUOC)

Tân từ: Lược đồ quan hệ HOCPHAN lưu trữ thông tin các học phần trong một khóa học. Thông tin bao gồm: mã học phần (MAHP), tên học phần (TENHP), mã khóa học (MAKH), số tuần cần thiết để hoàn thành học phần (TUAN) và thông tin học phần đó có bắt buộc trong khóa học hay không (BATBUOC). Thuộc tính BATBUOC có giá trị là: 1 nếu bắt buộc, 0 nếu không bắt buộc.

### DANGKY (MADK, MAHV, NGDK, TINHTRANG)

Tân từ: Lược đồ quan hệ DANGKY lưu trữ thông tin đăng ký học phần của học viên. Thông tin này bao gồm: mã đăng ký (MADK), mã học viên (MAHV), ngày đăng ký (NGDK) và tình trạng thanh toán học phí (TINHTRANG). Thuộc tính TINHTRANG có giá trị là 1 nếu đã thanh toán học phí, 0 nếu chưa thanh toán học phí.

### CTDK (MADK, MAHP, SONGAYHT, NGAYHP)

Tân từ: Lược đồ quan hệ chi tiết đăng ký (CTDK) mô tả thông tin chi tiết đăng ký các học phần của học viên. Thông tin bao gồm: mã đăng ký (MADK), mã học phần (MAHP), số ngày hoàn thành (SONGAYHT) và ngày học viên bắt đầu học phần (NGAYHP).

Mỗi học viên có thể đăng ký nhiều học phần, mỗi khóa học bao gồm một hoặc nhiều học phần khác nhau.

**Lưu ý:** Thuộc tính gạch chân là khóa chính (thuộc tính).

a. **Hãy bổ sung ràng buộc: “Ngày kết thúc của một khóa học luôn lớn hơn hoặc bằng ngày bắt đầu”. (0.5 đ)**

```

> ALTER TABLE KHOAHOC
  ADD CONSTRAINT CK_KHOAHOC_NGKTKH
  CHECK (NGKTKH >= NGBDKH);

```

b. **Thêm thuộc tính DIACHI với kiểu dữ liệu varchar(100) trong quan hệ HOCVIEN. (0.5 đ)**

```

> ALTER TABLE HOCVIEN
  ADD DIACHI VARCHAR(100) NULL;

```

c. **Xóa những chi tiết đăng ký (CTDK) có số ngày hoàn thành bằng 0. (0.5 đ)**

```

> DELETE FROM CTDK
  WHERE SONGAYHT = 0

```



d. Cập nhật tình trạng đã đóng học phí cho học viên có mã 'HV1000' đã đăng ký học phần vào ngày '30/10/2019'. (0.5 đ)

› UPDATE DANGKY

SET TINHTRANG = 1

WHERE MAHV = 'HV1000' AND NGDK = '30/10/2019';

## Câu 2.2 (GKI, 2017 – 2018) – Đề 1

Người quản trị của Công ty Cổ phần xe khách Phương Trang muốn quản lý các giao dịch mua vé xe khách trên các tuyến đường của hãng, đã thiết kế một CSDL Quản lý vé xe. Sau đây là một phần của lược đồ CSDL:

**XE**(maxe, biensx, matuyen, sogheT1, sogheT2)

Mô tả: Lược đồ quan hệ XE nhằm mô tả cho những chiếc xe đang được quản lý. Mỗi xe được ghi nhận thông tin biển kiểm soát (biensx), mã tuyến mà xe đó đang hoạt động (matuyen), số ghế tầng 1 (sogheT1), số ghế tầng 2 (sogheT2) và được ấn định một mã số duy nhất (maxe) để theo dõi.

**TUYEN**(matuyen, bendau, bencuoi, giatuyen, thoigiandk)

Mô tả: Lược đồ quan hệ TUYEN nhằm mô tả thông tin tuyến xe. Mỗi thông tin tuyến xe sẽ bao gồm bến đầu (bendau), bến cuối (bencuoi), giá vé thông thường (giatuyen), thời gian dự kiến mỗi chuyến (thoigiandk) được tính bằng giờ và được đặt một mã số duy nhất (matuyen) để quản lý.

**KHACH**(mahk, hoten, gioitinh, cmnd)

Mô tả: Lược đồ quan hệ KHACH nhằm mô tả thông tin những hành khách. Thông tin được ghi nhận bao gồm: Mã hành khách (mahk), họ tên (hoten), giới tính (gioitinh) và số chứng minh nhân dân của hành khách đó (cmnd).

**VEXE**(matuyen, mahk, ngaymua, giave)

Mô tả: Lược đồ quan hệ VEXE nhằm mô tả thông tin vé xe của hành khách. Thông tin vé xe gồm: Mã tuyến (matuyen), mã hành khách (mahk), ngày mua vé (ngaymua) và giá vé mua tại thời điểm đó (giave). Một hành khách có thể mua nhiều vé của cùng một tuyến xe tại những thời điểm khác nhau.

**Lưu ý:** thuộc tính gạch chân là khóa chính (thuộc tính).

a. Dùng câu lệnh DDL định nghĩa bổ sung các vấn đề sau: (0,75 điểm)

- Thêm vào thuộc tính **diachi** có kiểu dữ liệu nvarchar(20) cho quan hệ KHACH
- Sửa kiểu dữ liệu của thuộc tính **diachi** trong quan hệ KHACH thành nvarchar(50).
- Xoá thuộc tính **diachi** trong quan hệ KHACH.

› ALTER TABLE KHACH

ADD DIACHI NVARCHAR(20) NULL;

› ALTER TABLE KHACH

ADD DIACHI NVARCHAR(50) NULL;

› ALTER TABLE KHACH

DROP COLUMN DIACHI;

b. Giảm 10% giá vé được mua vào ngày '20/10/2017'. (0,75 điểm)

› UPDATE VEXE

SET GIAVE = 0.9\*GIAVE

WHERE NGAYMUA = '20/10/2017';

## Câu 2.2 (GKI, 2017 – 2018) – Đề 2

a. Dùng câu lệnh DDL định nghĩa bổ sung các vấn đề sau: (0,75đ)

- Thêm vào thuộc tính **ghichu** có kiểu dữ liệu nvarchar(20) cho quan hệ XE.
- Sửa kiểu dữ liệu của thuộc tính **ghichu** trong quan hệ XE thành nvarchar(50).
- Xóa thuộc tính **ghichu** trong quan hệ XE.

› ALTER TABLE XE

ADD GHICHU NVARCHAR(20) NULL;

› ALTER TABLE XE

ALTER COLUMN GHICHU NVARCHAR(50) NULL;

› ALTER TABLE XE

DROP COLUMN GHICHU;

b. Tăng 15% giá tuyến đối với những tuyến có bến đầu là 'Tp HCM'. (0,75đ)

› UPDATE TUYEN

SET GIATUYEN = 1.15\*GIATUYEN

WHERE BENDAU = 'TP HCM';

## Câu 2.2 (GKI, 2016 – 2017)

Cho lược đồ CSDL “quản lý chi nhánh điện lực tại thành phố Hồ Chí Minh” có cấu trúc như sau:

**NHANVIEN** (manv, hoten, ngaysinh, ngayvaolam)

Tên từ: Mỗi nhân viên có mã nhân viên (manv) duy nhất, họ tên (hoten), ngày sinh (ngaysinh), ngày vào làm (ngayvaolam) của nhân viên.

**KHACHHANG** (makh, tenkh, ngaysinh, gioitinh)

Tên từ: Khách hàng có mã khách hàng (makh), tên khách hàng (tenkh), ngày sinh (ngaysinh) và giới tính (gioitinh) của khách hàng.

**HOPDONG** (sohdong, ngayky, makh, sodienke, kwdinhmuc, dongiakw)

Tên từ: Mỗi hợp đồng có số hợp đồng duy nhất (sohdong), ngày ký (ngayky), của khách hàng (makh), số hiệu điện kế (sodienke), số kw định mức (kwdinhmuc), đơn giá của 1kw (dongiakw).

**HOADON** (sohdon, thang, nam, sohdong, manv, sotien)

Tên từ: Mỗi hóa đơn có số hóa đơn (sohdon) duy nhất, được ghi trong tháng (thang), năm (nam), của hợp đồng (sohdong), do nhân viên (manv) thu tiền (sotien).

Lưu ý: thuộc tính gạch chân là khóa chính (thuộc tính).

a. Cập nhật kw định mức (kwdinhmuc) tăng 10% đối với khách hàng có mã khách hàng (makh) là: "KH001". (1 điểm)

```
➤ UPDATE TABLE HOPDONG  
  SET KWDINHMUC = 1.1*KWDINHMUC  
  WHERE MAKH = 'KH001';
```

